



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban lãnh đạo	2 - 6
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 8
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	9 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 15
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	16 - 17
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	18 - 56

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện hoạt động theo Giấy phép thành lập số 3633/GP-UB, ngày 01 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với thời gian hoạt động là 25 năm.

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã 17 lần được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh về việc tăng vốn điều lệ và thành lập thêm các công ty thành viên.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 043 772 4466
- Fax : 043 772 4460
- Mã số thuế : 0 1 0 0 7 7 4 6 3 1

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hồ Chí Minh	Số 18 Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP Hồ Chí Minh
2 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đà Nẵng	Tầng 5 tòa nhà Bưu điện Đà Nẵng, 271 Phạm Văn Linh, P.Vĩnh Trung – Q.Thanh Khê – TP.Đà Nẵng
3 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	Tòa nhà số 2 Lô 28A Lê Hồng Phong, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
4 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cần Thơ	Số 40, đường Võ Văn Kiệt, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
5 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Trung bộ	16 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
6 Công ty Bảo hiểm Bưu điện khu vực Phía Bắc	Đường Nguyễn Tất Thành, Trưng Vương, Thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
7 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đồng Nai	Số R64, R65 Võ Thị Sáu nối dài, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
8 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nguyên	27 Trần Khánh Dư, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
9 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Trung bộ	Số 2 Đường Lê Thành Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
10 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cà Mau	Số 3 Lưu Tấn Tài, Phường 5, Thành phố Cà Mau
11 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định	Tầng 4 số 2 Trần Thị Kỳ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
12 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Dương	Số 150 đường Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
13 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Quảng Ninh	Số 164 Lê Thánh Tông, P.Bạch Đằng, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
14 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thanh Hóa	Tầng 5, Số 11 Hạc Thành, Phường Điện Phủ, TP.Thanh Hoá
15 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thừa Thiên Huế	Tầng 2, toà nhà 51 Hai Bà Trưng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
16 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long	Tòa nhà Hoa Đăng, số 290 Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
17 Công ty Bảo hiểm Bưu điện An Giang	Số 5/2 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
18 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Long An	Số 37-39 đường số 5 – P.6, TP.Tân An, tỉnh Long An
19 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vĩnh Phúc	Số 2, Đường Ngô Quyền, Thị xã Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
20 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sài Gòn	Phòng 2-3, tầng 3, tòa nhà Dali tower, 24 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
21 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Ninh	16 Đường Lý Thái Tổ, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
22 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lào Cai	Số 121 Đường Thanh Niên, P Duyên hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
23 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Nam Sông Hồng	Số 08, Đường Lê Đại Hành, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.
24 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bến Thành	Số 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3 TP.Hồ Chí Minh
25 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Nội	Tầng 2 – tòa nhà báo Tài nguyên và môi trường, lô E2 khu đô thị mới Cầu Giấy, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
26 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Hưng	Số 106 Hồng Quang, P.Quang Trung, TP.Hải Dương, tỉnh Hải Dương
27 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tiền Giang	Số 59, đường 30/4, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
28 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thủ Đô	Tầng 56, tòa nhà 95B, khu lao động Thịnh Hào, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội
29 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Bình Trị Thiên	Số 146, đường Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
30 Văn phòng đại diện Tổng Công ty Khu vực phía Nam	Lầu 4, 18 Đinh Tiên Hoàng, P.Đa Kao, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
31 Công ty Bảo hiểm Bưu Điện Thống Nhất	Lầu 3, 170 Bùi Thị Xuân, P.Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
32 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Phú Mỹ Hưng	Lầu 7 Tòa nhà Loyal, 151-151 Bis Võ Thị Sáu, P.6, Q.3, TP.Hồ Chí Minh
33 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vũng Tàu	Số 408 Lê Hồng Phong, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
34 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thái Nguyên	Tầng 2, tòa nhà 09 tầng, phố Tô Ngọc Vân, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, P.Đồng Quang, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
35 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Gia Lai	Số 69 Hùng Vương, Phường Tây Sơn, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
36 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Thành	Tầng 5, Tòa nhà Lạc Hồng, 85 Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội
37 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định	Tầng 3 tòa nhà ACB – chi nhánh Nam Định, số 67 Lê Hồng Phong, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định
38 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Đăng	Tầng 2 tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
39 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Trảng An	Tầng 6, tòa nhà 434 Trần Khát Chân, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
40 Công ty Bảo Hiểm Bưu điện Tây Bắc	Bưu cục Bắc Trần Hưng Đạo, xóm 12, Xã Sủ Ngòi, Thành phố Hoà Bình, Hòa Bình
41 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Âu Lạc	Căn số 2, N7B Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
42 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sóc Trăng	Số 1, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ.

Các nghiệp vụ được phép kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
 - Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trường Giang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Ông Kim, Kang Wook	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Xuân Dũng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Thị Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Park, Je Kwang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Xuân Thu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hồng Lan	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Bà Bùi Thanh Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Ki, Hyun Park	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Bae, Taeg Soo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Xuân Thu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Huỳnh Việt Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Nghiêm Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2016
Bà Lưu Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Xuân Thu - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Lãnh đạo đảm bảo rằng, Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Số: 0231/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2017, từ trang 09 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Văn Kiên - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2017



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		3.473.370.523.435	3.560.223.091.177
(100=110+120+130+140+150+190)					
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	77.133.874.904	308.443.852.767
1. Tiền		111		76.018.874.904	51.293.852.767
2. Các khoản tương đương tiền		112		1.115.000.000	257.150.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		1.982.137.660.115	2.002.798.490.107
1. Chứng khoán kinh doanh		121	V.2a	144.941.150.633	120.222.672.796
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122	V.2a	(263.490.518)	(174.182.689)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	V.2b	1.837.460.000.000	1.882.750.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		694.291.737.291	601.071.122.261
1. Phải thu của khách hàng		131	V.3	438.061.327.690	397.523.200.932
1.1 <i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>		131.1		412.386.360.544	329.205.951.278
1.2 <i>Phải thu khác của khách hàng</i>		131.2		25.674.967.146	68.317.249.654
2. Trả trước cho người bán		132	V.4	129.056.236.255	95.427.825.767
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Các khoản phải thu khác		136	V.5	187.801.513.376	178.531.336.165
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.6	(60.627.340.030)	(70.411.240.603)
IV. Hàng tồn kho		140		11.323.211.198	9.619.317.749
1. Hàng tồn kho		141	V.7	11.323.211.198	9.695.759.296
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	(76.441.547)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		159.743.468.236	125.000.603.189
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.8a	152.346.715.012	123.345.316.040
1.1 <i>Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</i>		151.1		151.907.547.345	121.468.560.031
1.2 <i>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>		151.2		439.167.667	1.876.756.009
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152		5.966.250.049	580.635.286
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	V.9	1.430.503.175	1.074.651.863
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
VIII. Tài sản tái bảo hiểm		190	V.18c	548.740.571.691	513.289.705.104
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		191		331.811.783.188	298.110.560.168
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		192		216.928.788.503	215.179.144.936

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.467.815.257.575	727.739.601.402
(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.803.131.818	17.750.477.670
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		16.803.131.818	17.750.477.670
6.1 Ký quỹ bảo hiểm	216.1		10.280.000.000	10.780.000.000
6.2 Phải thu dài hạn khác	216.2		6.523.131.818	6.970.477.670
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		75.935.069.042	60.214.912.967
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	69.604.129.609	57.017.008.674
<i>Nguyên giá</i>	222		144.672.197.526	120.770.404.758
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(75.068.067.917)	(63.753.396.084)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	6.330.939.433	3.197.904.293
<i>Nguyên giá</i>	228		11.115.535.367	7.376.063.011
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.784.595.934)	(4.178.158.718)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	110.514.416.982	90.333.667.176
<i>Nguyên giá</i>	231		112.838.923.737	90.970.255.582
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(2.324.506.755)	(636.588.406)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		53.110.474.055	25.954.901.508
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	53.110.474.055	25.954.901.508
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.186.848.536.029	516.588.413.826
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2c	126.497.109.065	124.501.638.493
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	235.458.566.400	57.095.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2e	(28.386.511.018)	(42.229.009.695)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	853.279.371.582	377.220.785.028
V. Tài sản dài hạn khác	260		24.603.629.649	16.897.228.255
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	22.216.392.596	14.226.398.286
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		56.248.601	42.268.586
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
4. Lợi thế thương mại	249		2.330.988.452	2.628.561.383
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.941.185.781.010	4.287.962.692.579

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		300		3.091.928.594.676	2.444.581.849.388
I. Nợ ngắn hạn		310		3.087.408.667.730	2.441.827.672.431
1. Phải trả người bán		311	V.14	240.710.876.338	157.668.805.826
1.1 Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		311.1		209.943.147.515	127.664.598.876
1.2 Phải trả khác cho người bán		311.2		30.767.728.823	30.004.206.950
2. Người mua trả tiền trước		312	V.15	25.806.459.846	37.374.118.199
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.16	26.069.416.789	22.490.552.994
4. Phải trả người lao động		314		53.535.799.515	56.573.774.788
5. Chi phí phải trả		315		301.382.436	692.255.517
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318.1		92.486.150.536	74.182.146.698
7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		318.2		94.850.311.274	109.233.960.118
8. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.17	70.531.776.250	62.900.664.294
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320		71.702.889.871	2.029.800.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		131.574.365	24.539.637
10. Dự phòng nghiệp vụ		329	V.18	2.411.282.030.510	1.918.657.054.360
10.1 Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		329.1	V.18a	1.585.666.973.133	1.264.462.864.552
10.2 Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		329.2	V.18a	778.982.126.930	582.996.936.818
10.3 Dự phòng dao động lớn		329.3	V.18b	46.632.930.447	71.197.252.990
II. Nợ dài hạn		330		4.519.926.946	2.754.176.957
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
2. Phải trả dài hạn khác		337	V.19	1.030.456.136	2.008.923.136
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338		3.005.779.741	-
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		483.691.069	745.253.821
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410)		400		1.849.257.186.334	1.843.380.843.191
Vốn chủ sở hữu		410	V.20	1.849.257.186.334	1.843.380.843.191
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		803.957.090.000	803.957.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		803.957.090.000	803.957.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		827.943.052.804	827.943.052.804
8. Quỹ đầu tư phát triển		418		19.773.444.835	18.168.277.954
9. Quỹ dự trữ bắt buộc		419		41.540.743.782	36.312.733.442
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		154.994.146.755	156.055.922.056
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		51.922.389.295	156.055.922.056
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		103.071.757.460	-
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		429		1.048.708.158	943.766.935
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)		440		4.941.185.781.010	4.287.962.692.579

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm		241.134.334.187	210.170.630.726
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		160.241,25	95.523,50
Euro (EUR)		28.921,27	28.929,25
Bảng Anh (£)		347,83	354,43

Lập, ngày 16 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền



Tổng Giám đốc

Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		2.542.387.176.731	1.892.918.244.050
1.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2	VI.2	106.823.115.305	61.515.635.030
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	VI.3	4.967.475.984	172.314.652.273
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.4	156.990.827.591	150.162.436.288
4. Thu nhập khác	13		968.266.626	999.777.159
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		2.049.383.545.204	1.495.709.968.101
5.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	20.2	VI.5	93.831.218.555	50.709.317.114
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.6	1.887.918.349	63.947.185.769
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.7	36.731.249.082	64.658.651.013
8.1 Chi phí bán hàng	23.1	VI.8	2.155.978.974	2.170.092.007
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	VI.9	494.143.052.748	397.036.065.184
9. Chi phí khác	24		2.481.022.071	1.913.601.887
10.1 Phần lợi nhuận trong Công ty liên doanh liên kết	50.1		2.211.318.236	1.042.032.881
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10.1+10.2+11+12+13-20-21-22-23-24)	50.2		133.734.195.490	202.807.896.606
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		25.599.112.567	42.107.802.911
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(275.542.767)	433.109.626
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		108.410.625.690	160.266.984.069
13.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		110.857.890	62.891.533
13.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	60.2		108.299.767.800	160.204.092.536
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.347	2.541
15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.10	1.347	2.541

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	01	VI.1	2.904.970.301.052	2.209.661.101.206
Trong đó				
- Phí Bảo hiểm gốc	01.1		3.096.474.612.452	2.461.662.760.300
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		129.700.247.181	127.167.710.922
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		321.204.558.581	379.169.370.016
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	02		648.905.890.917	470.953.558.998
Trong đó				
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		682.607.113.937	612.651.445.802
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		33.701.223.020	141.697.886.804
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		2.256.064.410.135	1.738.707.542.208
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		286.322.766.596	154.210.701.842
Trong đó				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		210.158.962.292	153.894.756.395
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		76.163.804.304	315.945.447
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10.1		2.542.387.176.731	1.892.918.244.050
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2	VI.2	106.823.115.305	61.515.635.030
6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	11		1.208.404.100.462	847.911.077.634
Trong đó				
- Tổng chi bồi thường	11.1		1.220.933.094.388	855.886.014.942
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		12.528.993.926	7.974.937.308
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		235.547.984.309	208.074.464.868
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		195.985.190.112	111.014.444.867
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		1.749.643.567	(21.324.584.801)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15		1.167.091.662.698	772.175.642.434
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		25.435.677.457	19.761.790.254
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17		856.856.205.049	703.772.535.413
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		277.947.672.582	234.787.952.433
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		578.908.532.467	468.984.582.980

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18.1 = 15 + 16 + 17)	18.1		2.049.383.545.204	1.495.709.968.101
13.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	18.2	VI.5	93.831.218.555	50.709.317.114
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19.1 = 10 - 18)	19.1		493.003.631.527	397.208.275.949
14.2 Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác (19.2 = 10.2 - 18.2)	19.2		12.991.896.750	10.806.317.916
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20	VI.3	4.967.475.984	172.314.652.273
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.6	1.887.918.349	63.947.185.769
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 - 21)	22		3.079.557.635	108.367.466.504
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.4	156.990.827.591	150.162.436.288
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.7	36.731.249.082	64.658.651.013
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25		120.259.578.509	85.503.785.275
21.1 Chi phí bán hàng	26.1	VI.8	2.155.978.974	2.170.092.007
21.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.2	VI.9	494.143.052.748	397.036.065.184
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19.1 + 19.1 + 22 + 25 - 26.1 - 26.2)	30		133.035.632.699	202.679.688.453
23. Thu nhập khác	31		968.266.626	999.777.159
24. Chi phí khác	32		2.481.022.071	1.913.601.887
25.1 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.512.755.445)	(913.824.728)
25.2 Phần lợi nhuận trong Công ty liên doanh liên kết	41		2.211.318.236	1.042.032.881
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		133.734.195.490	202.807.896.606
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		25.599.112.567	42.107.802.911
28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(275.542.767)	433.109.626
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>108.410.625.690</u>	<u>160.266.984.069</u>
29.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61.1		110.857.890	62.891.533
29.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61.2		108.299.767.800	160.204.092.536
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>1.347</u>	<u>2.541</u>
31. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>1.347</u>	<u>2.541</u>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 16 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	133.734.195.490	202.807.896.606
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	14.669.991.571	11.333.611.237
- Các khoản dự phòng	03	433.560.576.595	425.040.211.814
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(112.347.065.879)	(224.349.101.294)
- Chi phí lãi vay	06	324.321.033	77.678.889
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	469.942.018.810	414.910.297.252
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(98.857.074.285)	(147.393.921.298)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.627.451.902)	(1.646.211.923)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	82.028.082.776	124.508.005.931
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(36.716.546.755)	(17.768.559.777)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(24.718.477.837)	(31.654.068.273)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(324.321.033)	(77.678.889)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.694.751.136)	(47.628.848.638)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	98.200.000	797.760.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(115.248.605)	(2.245.441.132)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	364.014.430.033	291.801.333.253
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(78.254.226.931)	(46.223.017.918)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	177.419.135.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.713.500.000.000)	(1.289.948.166.667)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.282.731.413.446	44.123.562.193
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(179.113.566.400)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	750.000.000	3.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	121.298.490.569	66.691.575.063
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(566.087.889.315)	(1.044.936.912.056)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	1.067.646.837.316
2. Tiền trả lại góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	2.029.800.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	94.708.669.612	(737.734.572)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(22.029.800.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 V.20	(101.915.388.192)	(49.490.389.286)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(29.236.518.580)	1.019.448.513.458
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(231.309.977.863)	266.312.934.655
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	308.443.852.767	42.130.918.112
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	77.133.874.904	308.443.852.767

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 16 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty

Trong năm, Tổng Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Số 26 đường Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Bán xăng dầu	93,63%	93,63%	93,63%	93,63%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 26 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cho thuê bất động sản và cung cấp thiết bị tin học, truyền thông	98,33%	98,33%	98,33%	98,33%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu theo cam kết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18 Khu Đô Thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	49,00%	95,32%
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	50,00%	50,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.830 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.529 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là tiền thuê văn phòng và chi phí công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ trong 2 năm, công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ trong 1 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cơ sở hạ tầng	50

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ và chi phí hoa hồng chưa được phân bổ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp	x	Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại	x	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại	x	Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại
		Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp		Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước		Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính trước		

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

16. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2016 : 22.785 VND/USD
31/12/2015 : 22.540 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chi tiêu "Người mua trả tiền trước" trên Bảng cân đối kế toán.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của BTC.

Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bằng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Chi phí hoạt động đầu tư

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Chi phí dùng chung phân bổ cho bộ phận đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong năm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tổng Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	12.943.954.140	7.114.682.682
Tiền gửi ngân hàng	62.222.370.764	44.179.170.085
Tiền đang chuyển	852.550.000	-
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	1.115.000.000	257.150.000.000
Cộng	<u>77.133.874.904</u>	<u>308.443.852.767</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán niêm yết						
MAC	-	-	-	5.191.194.015	5.106.412.200	84.781.815
VFA	-	-	-	3.089.948.500	3.374.000.000	-
PHH	-	-	-	11.419.433.280	13.410.840.000	-
SDF	-	-	-	6.052.582.420	7.687.120.000	-
VTX	-	-	-	1.591.115.880	1.847.860.000	-
SHI	-	-	-	732.549.726	738.855.000	-
ACV	-	-	-	29.600.000.000	29.600.000.000	-
GEX	-	-	-	5.854.981.000	7.345.000.000	-
VIC	-	-	-	3.041.555.500	3.199.000.000	-
TCO	9.059.105.656	10.294.470.000	-	10.213.625.656	11.448.990.000	-
VNR	14.261.500.905	41.340.000.000	-	14.261.500.905	42.120.000.000	-
PGI	2.417.542.864	4.253.418.000	-	21.096.244.641	27.527.111.000	-
VNE	2.101.296.996	2.722.590.000	-	2.067.546.899	2.151.632.000	-
VTV	1.085.951.200	1.083.500.000	2.451.200	4.101.980.874	4.012.580.000	89.400.874
FCN	2.056.868.640	2.005.500.000	51.368.640	-	-	-
MBB	6.804.522.905	9.898.000.000	-	-	-	-
FPT	2.604.901.500	2.640.000.000	-	-	-	-
HUT	9.972.730.600	11.116.940.000	-	-	-	-
BLI	940.648.860	962.523.000	-	-	-	-
SBA	2.180.863.928	2.669.747.000	-	-	-	-
CHP	1.245.918.624	1.248.210.000	-	-	-	-
DHG	3.961.362.641	4.097.380.000	-	-	-	-
HDG	3.103.326.952	3.121.011.000	-	-	-	-
VKC	3.740.180.228	3.630.400.000	109.780.228	-	-	-
VSH	618.942.416	646.195.000	-	-	-	-
HAH	993.182.903	1.043.720.000	-	-	-	-
SDI	612.827.865	654.780.000	-	-	-	-
VGG	5.131.061.450	5.031.171.000	99.890.450	-	-	-
Cộng	72.892.737.133	108.459.555.000	263.490.518	118.314.259.296	159.569.400.200	174.182.689
Chứng khoán chưa niêm yết						
DPTW2	1.908.413.500	-	-	1.908.413.500	-	-
TCB	70.140.000.000	-	-	-	-	-
Cộng	72.048.413.500	-	-	1.908.413.500	-	-
Tổng Cộng	144.941.150.633		263.490.518	120.222.672.796		174.182.689

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	1.837.460.000.000	1.837.460.000.000	1.882.750.000.000	1.882.750.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	1.823.260.000.000	1.823.260.000.000	1.860.760.000.000	1.860.760.000.000
Ủy thác đầu tư ngắn hạn	14.200.000.000	14.200.000.000	21.990.000.000	21.990.000.000
Dài hạn	853.279.371.582	829.388.065.118	377.220.785.028	337.986.102.469
Tiền gửi có kỳ hạn	611.920.000.000	611.920.000.000	89.920.000.000	89.920.000.000
Đầu tư trái phiếu	130.000.000.000	130.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
<i>Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Tasco</i>	<i>80.000.000.000</i>	<i>80.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
Ủy thác đầu tư dài hạn	111.359.371.582	87.468.065.118	137.300.785.028	98.066.102.469
Cộng	2.690.739.371.582	2.666.848.065.118	2.259.970.785.028	2.220.736.102.469

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Giá gốc	Số cuối năm		Giá gốc	Số đầu năm	
		Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng		Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện ⁽¹⁾	88.200.000.000	806.518.637	89.006.518.637	88.200.000.000	166.875.976	88.366.875.976
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ⁽²⁾	20.152.200.000	4.210.662.849	24.362.862.849	20.152.200.000	3.326.443.784	23.478.643.784
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử ⁽³⁾	14.292.700.000	(1.164.972.421)	13.127.727.579	14.292.700.000	(1.636.581.267)	12.656.118.733
Cộng	122.644.900.000	3.852.209.065	126.497.109.065	122.644.900.000	1.856.738.493	124.501.638.493

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103027478 ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện 88.200.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ.

(2) Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 347/BKH-ĐTRNN-ĐC3 ngày 30 tháng 9 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang 850.000 USD, tương đương 42,5% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Số vốn Tổng Công ty đang góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang là 20.152.200.000 VND, chiếm 50% vốn điều lệ.

(3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302826473 ngày 30 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng Công ty đầu tư mua 638.090 cổ phần của Công ty Cổ phần Viễn thông tin học điện tử tương đương 21,3 % vốn điều lệ với giá mua là 14.292.700.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận đã trả trong năm	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
(1)	88.366.875.976	2.748.563.432	(2.108.920.771)	-	89.006.518.637
(2)	23.478.643.784	2.146.216.829	(1.118.554.360)	(143.443.404)	24.362.862.849
(3)	12.656.118.733	1.309.721.106	(765.708.000)	(72.404.260)	13.127.727.579
Cộng	124.501.638.493	6.204.501.367	(3.993.183.131)	(215.847.664)	126.497.109.065

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con khác và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15.000.000.000	1.919.228.563	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2.940.000.000	1.332.110.756	2.940.000.000	1.332.110.756
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	17.080.000.000	-	17.080.000.000	418.351.145
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5.800.000.000	-	5.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Thế hệ mới	-	-	750.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	14.900.000.000	1.243.865.235	14.900.000.000	1.243.865.235
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000	-	625.000.000	-
Công ty Cổ phần 36	64.090.938.300	-	-	-
Công ty Cổ phần Cấp phát nước Vĩnh Long	44.522.628.100	-	-	-
Công ty TNHH MTV cấp thoát nước môi trường Bình Dương	70.500.000.000	-	-	-
Cộng	235.458.566.400	4.495.204.554	57.095.000.000	2.994.327.136

2e. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.891.306.464	39.234.682.559
Dự phòng Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.495.204.554	2.994.327.136
Cộng	28.386.511.018	42.229.009.695

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	42.229.009.695	5.488.467.175
Trích lập dự phòng bổ sung	1.919.228.563	38.638.987.838
Sử dụng dự phòng	(14.178.124.900)	
Hoàn nhập dự phòng	(1.583.602.340)	(1.898.445.318)
Số cuối năm	<u>28.386.511.018</u>	<u>42.229.009.695</u>
3. Phải thu của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	307.954.754.006	277.949.634.261
Phải thu về tái bảo hiểm	104.431.606.538	51.256.317.017
Phải thu khác của khách hàng	25.674.967.146	68.317.249.654
Cộng	<u>438.061.327.690</u>	<u>397.523.200.932</u>
4. Trả trước cho người bán		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	103.847.876.589	80.273.380.435
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	11.179.790.673	4.787.355.238
Trả trước cho nhà cung cấp khác	14.028.568.993	10.367.090.094
Cộng	<u>129.056.236.255</u>	<u>95.427.825.767</u>
5. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu hoạt động tài chính	110.937.614.759	121.847.447.280
Phải thu lại tiền bồi thường đã thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do tòa án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5.614.181.754	5.614.181.754
Các khoản phải thu khác	51.797.412.276	33.249.738.929
Tạm ứng	16.294.397.432	14.285.714.099
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.157.907.155	3.534.254.103
Cộng	<u>187.801.513.376</u>	<u>178.531.336.165</u>
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	60.627.340.030	70.411.240.603
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	1.505.479.741	2.372.034.406
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	4.448.827.141	3.414.382.070
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	4.768.523.097	2.644.226.402
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	49.904.510.051	61.980.597.725
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>60.627.340.030</u>	<u>70.411.240.603</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	70.411.240.603	71.867.384.399
Trích lập dự phòng bổ sung	6.903.987.194	176.863.660
Hoàn nhập dự phòng	(16.687.887.767)	(1.633.007.456)
Số cuối năm	<u>60.627.340.030</u>	<u>70.411.240.603</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	8.909.932.261	6.691.847.016
Công cụ, dụng cụ	439.673.263	314.453.925
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.272.053	15.272.053
Hàng hóa	1.958.333.621	2.674.186.302
Cộng	<u>11.323.211.198</u>	<u>9.695.759.296</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ(*)	151.907.547.345	121.468.560.031
Chi phí khác	439.167.667	1.876.756.009
Cộng	<u>152.346.715.012</u>	<u>123.345.316.040</u>

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	121.468.560.031	108.071.542.120
Số phát sinh trong năm	308.386.659.896	248.417.897.476
Số đã phân bổ vào chi phí trong năm	(277.947.672.582)	(235.020.879.565)
Số dư cuối năm	<u>151.907.547.345</u>	<u>121.468.560.031</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.420.932.658	3.868.673.195
Chi phí thuê nhà	4.481.579.395	3.469.144.657
Chi phí phát triển đại lý	352.618.057	379.910.155
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.358.872.133	1.192.709.800
Các khoản chi phí khác	12.602.390.354	5.315.960.479
Cộng	<u>22.216.392.596</u>	<u>14.226.398.286</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	205.786.205	590.632.728
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	187.103.022	24.397.482
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	749.858.395	295.274.763
Thuế khác	287.755.553	164.346.890
Cộng	<u>1.430.503.175</u>	<u>1.074.651.863</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	7.838.273.530	22.772.790.335	72.481.974.375	17.642.366.518	35.000.000	120.770.404.758
Mua trong năm	7.662.113.200	187.789.091	12.971.649.544	3.395.674.918	-	24.217.226.753
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	942.440.593	-	-	-	942.440.593
Tặng khác trong năm	-	-	493.142.000	-	-	493.142.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(798.664.438)	(880.655.777)	(71.696.363)	-	(1.751.016.578)
Số cuối năm	15.500.386.730	23.104.355.581	85.066.110.142	20.966.345.073	35.000.000	144.672.197.526
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	5.196.100.266	15.458.454.215	10.680.349.766	-	31.334.904.247
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.805.710.180	9.886.489.818	39.659.534.966	12.390.067.370	11.593.750	63.753.396.084
Khấu hao trong năm	211.874.388	3.733.123.572	6.034.243.254	2.331.644.792	8.750.000	12.319.636.006
Tặng khác trong năm	-	-	493.142.000	-	-	493.142.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(545.754.033)	(880.655.777)	(71.696.363)	-	(1.498.106.173)
Số cuối năm	2.017.584.568	13.073.859.357	45.306.264.443	14.650.015.799	20.343.750	75.068.067.917
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.032.563.350	12.886.300.517	32.822.439.409	5.252.299.148	23.406.250	57.017.008.674
Số cuối năm	13.482.802.162	10.030.496.224	39.759.845.699	6.990.329.274	14.656.250	69.604.129.609
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.200.890.000	5.175.173.011	7.376.063.011
Mua trong năm	-	225.555.556	225.555.556
Tặng khác trong năm	2.895.916.800	674.000.000	3.569.916.800
Giảm trong năm	-	(56.000.000)	(56.000.000)
Số cuối năm	5.096.806.800	6.018.728.567	11.115.535.367
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	4.504.328.567	4.504.328.567
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	4.178.158.718	4.178.158.718
Khấu hao trong năm	-	662.437.216	662.437.216
Giảm trong năm	-	(56.000.000)	(56.000.000)
Số cuối năm	-	4.784.595.934	4.784.595.934
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.200.890.000	997.014.293	3.197.904.293
Số cuối năm	5.096.806.800	1.234.132.633	6.330.939.433
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Bất động sản đầu tư

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.994.763.527	83.975.492.055	90.970.255.582
Mua mới	-	21.868.668.155	21.868.668.155
Số cuối năm	6.994.763.527	105.844.160.210	112.838.923.737
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	636.588.406	636.588.406
Khấu hao trong năm	-	1.687.918.349	1.687.918.349
Số cuối năm	-	2.324.506.755	2.324.506.755
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.994.763.527	83.338.903.649	90.333.667.176
Số cuối năm	6.994.763.527	103.519.653.455	110.514.416.982

Theo quy định tại Thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2015, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Quyền sử dụng đất tại Bình Dương (năm giữ chờ tăng giá)	6.994.763.527	-	6.994.763.527
Bất động sản cho thuê sản thương mại tại Cao ốc căn hộ Thủy Lợi 4	85.050.699.262	2.324.506.755	82.726.192.507
FLC Quy Nhơn	20.793.460.948	-	20.793.460.948
Cộng	112.838.923.737	2.324.506.755	110.514.416.982

Thu nhập, chi phí từ việc cho thuê bất động sản trong năm lần lượt là 2.702.228.400 VND và 1.687.918.349 VND.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển tăng tài sản trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
XDCB dở dang	25.632.597.708	28.372.859.667	(942.440.593)	-	53.063.016.782
Sàn Fhome	7.290.951.663	655.815.319	-	-	7.946.766.982
Dự án Xuân Phương	16.416.923.000	19.621.122.085	-	-	36.038.045.085
Công trình khác	1.924.723.045	8.095.922.263	(942.440.593)	-	9.078.204.715
Sửa chữa lớn TSCĐ	322.303.800	-	-	(274.846.527)	47.457.273
Cộng	25.954.901.508	28.372.859.667	(942.440.593)	(274.846.527)	53.110.474.055

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	109.378.951.656	90.614.253.320
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	91.218.040.241	30.685.018.585
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	9.328.070.229	6.347.241.582
Phải trả cho nhà cung cấp khác	30.785.814.212	30.022.292.339
Cộng	<u>240.710.876.338</u>	<u>157.668.805.826</u>

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc	25.596.262.651	36.829.272.276
Người mua trả tiền trước	210.197.195	544.845.923
Cộng	<u>25.806.459.846</u>	<u>37.374.118.199</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	17.856.857.682	15.285.240.503
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.688.258
Thuế thu nhập doanh nghiệp	665.837.510	548.638.336
Thuế thu nhập cá nhân	7.230.997.333	6.416.128.863
Các loại thuế khác	315.724.264	238.857.034
Cộng	<u>26.069.416.789</u>	<u>22.490.552.994</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.120.938.965	1.480.013.270
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	675.408.984	535.067.702
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.358.896.915	16.799.434.307
Thuế nhà thầu tạm giữ	2.421.497.458	2.360.201.163
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	5.292.172.177	1.253.140.000
VNPost chuyển phí bảo hiểm chưa đối chiếu	13.416.281.519	12.255.848.309
Quỹ khen thưởng khách hàng	2.209.067.927	640.901.046
Phải trả phải nộp khác	33.037.512.305	27.576.058.497
Cộng	<u>70.531.776.250</u>	<u>62.900.664.294</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Dự phòng nghiệp vụ

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần (3) = (1) - (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (4)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (5)	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần (6) = (4) - (5)
18a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng						
1. Dự phòng bồi thường						
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	778.982.126.930	216.928.788.503	562.053.338.427	582.996.936.818	215.179.144.936	367.817.791.882
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	747.590.417.221	216.928.788.503	530.661.628.718	555.883.271.240	215.179.144.936	340.704.126.304
	31.391.709.709	-	31.391.709.709	27.113.665.578	-	27.113.665.578
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	1.585.666.973.133	331.811.783.188	1.253.855.189.945	1.264.462.864.552	298.110.560.168	966.352.304.384
Cộng	2.364.649.100.063	548.740.571.691	1.815.908.528.372	1.847.459.801.370	513.289.705.104	1.334.170.096.266
Trong đó chi tiết:						
Dự phòng bồi thường						
Số đầu năm	582.996.936.818	215.179.144.936	367.817.791.882	471.982.491.951	236.503.729.737	235.478.762.214
Số trích lập trong năm	195.985.190.112	1.749.643.567	194.235.546.545	111.014.444.867	-	111.014.444.867
Số hoàn nhập trong năm	-	-	-	-	(21.324.584.801)	21.324.584.801
Số cuối năm	778.982.126.930	216.928.788.503	562.053.338.427	582.996.936.818	215.179.144.936	367.817.791.882
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số đầu năm	1.264.462.864.552	298.110.560.168	966.352.304.384	885.293.494.537	156.412.673.364	728.880.821.173
Số trích lập trong năm	321.204.108.581	33.701.223.020	287.502.885.561	379.169.370.015	141.697.886.804	237.471.483.211
Số hoàn nhập trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	1.585.666.973.133	331.811.783.188	1.253.855.189.945	1.264.462.864.552	298.110.560.168	966.352.304.384

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18b. Dự phòng dao động lớn**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	71.197.252.990	51.435.462.736
Số trích lập thêm trong năm	25.435.677.457	19.761.790.254
Số sử dụng trong năm	(50.000.000.000)	-
Số cuối năm	<u>46.632.930.447</u>	<u>71.197.252.990</u>

18c. Tài sản tái bảo hiểm

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	<u>216.928.788.503</u>	<u>215.179.144.936</u>
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	216.928.788.503	215.179.144.936
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	-	-
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	<u>331.811.783.188</u>	<u>298.110.560.168</u>
Cộng	<u>548.740.571.691</u>	<u>513.289.705.104</u>

19. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm	503.957.090.000	60.296.215.488	17.511.684.675	28.471.899.039	63.787.564.819	894.552.368	674.919.006.389
Cổ đông góp vốn trong năm	300.000.000.000	767.976.837.316	-	-	-	-	1.067.976.837.316
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	160.204.092.536	-	160.204.092.536
Trích lập các quỹ năm trước	-	-	656.593.279	7.840.834.403	(9.154.020.961)	-	(656.593.279)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(58.435.279.900)	-	(58.435.279.900)
Thù lao và thưởng HĐQT	-	-	-	-	(1.313.186.558)	-	(1.313.186.558)
Lợi ích sau thuế của Cổ đông không kiểm soát kỳ trước	-	-	-	-	-	62.891.533	62.891.533
Tăng khác do hợp nhất công ty liên kết	-	-	-	-	1.075.151.899	-	1.075.151.899
Tăng khác do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	13.676.966	(13.676.966)	-
Giảm khác	-	(330.000.000)	-	-	(122.076.745)	-	(452.076.745)
Số dư cuối năm trước	803.957.090.000	827.943.052.804	18.168.277.954	36.312.733.442	156.055.922.056	943.766.935	1.843.380.843.191
Số dư đầu năm nay	803.957.090.000	827.943.052.804	18.168.277.954	36.312.733.442	156.055.922.056	943.766.935	1.843.380.843.191
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	108.299.767.800	-	108.299.767.800
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1.605.166.881	5.228.010.340	(6.957.260.554)	-	(124.083.333)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(96.474.850.800)	-	(96.474.850.800)
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(1.568.166.881)	-	(1.568.166.881)
Chi thù lao và thưởng HĐQT	-	-	-	-	(1.781.166.881)	-	(1.781.166.881)
Trích thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(2.364.250.321)	-	(2.364.250.321)
Lợi ích sau thuế của Cổ đông không kiểm soát trong năm	-	-	-	-	-	110.857.890	110.857.890
Tăng giảm khác do hợp nhất công ty liên kết	-	-	-	-	(215.847.664)	-	(215.847.664)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(5.916.667)	(5.916.667)
Số dư cuối năm nay	803.957.090.000	827.943.052.804	19.773.444.835	41.540.743.782	154.994.146.755	1.048.708.158	1.849.257.186.334

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.400.000	80.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80.395.709	80.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80.395.709	80.395.709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 42/NQ-PTI-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 96.474.850.800
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.568.166.881
• Trích quỹ khen thưởng khách hàng	: 1.568.166.881
• Chi thù lao và thưởng HĐQT	: 1.568.166.881
• Trích thưởng Ban lãnh đạo	: 2.352.250.321

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu phí bảo hiểm

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bảo hiểm gốc	3.122.697.967.453	2.483.974.202.018
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(26.223.355.001)	(22.311.441.718)
Doanh thu thuần phí bảo hiểm gốc	3.096.474.612.452	2.461.662.760.300
Phí nhận tái bảo hiểm	135.509.949.548	130.579.865.261
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(5.809.702.367)	(3.412.154.339)
Doanh thu thu thuần phí nhận tái bảo hiểm	129.700.247.181	127.167.710.922
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(321.204.558.581)	(379.169.370.016)
Doanh thu thuần phí bảo hiểm	2.904.970.301.052	2.209.661.101.206

2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	81.647.456.610	39.152.458.061
Doanh thu cung cấp thiết bị viễn thông và công trình inbuilding	25.175.658.695	22.363.176.969
Cộng	106.823.115.305	61.515.635.030

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cho thuê bất động sản đầu tư	2.702.228.400	813.249.000
Dự án 216 Võ Thị Sáu - Hồ Chí Minh	-	94.820.927.273
Dự án 26 Láng Hạ - Hà Nội	-	76.680.476.000
Dự án khác	2.265.247.584	
Cộng	<u>4.967.475.984</u>	<u>172.314.652.273</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	105.344.821.968	109.675.629.458
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	444.583.113	325.589.386
Lãi tiền cho vay ủy thác	-	312.220.765
Lãi kinh doanh chứng khoán	38.777.398.494	26.260.827.088
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.043.836.080	4.375.989.861
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.097.602.857	2.031.695.374
Các khoản khác	5.282.585.079	7.180.484.356
Cộng	<u>156.990.827.591</u>	<u>150.162.436.288</u>

5. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn xăng dầu đã bán	77.141.859.676	36.520.737.607
Giá vốn thiết bị viễn thông và công trình inbuilding đã cung cấp	16.689.358.879	14.188.579.507
Cộng	<u>93.831.218.555</u>	<u>50.709.317.114</u>

6. Giá vốn bất động sản đầu tư

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cho thuê bất động sản đầu tư	1.887.918.349	1.039.671.406
Dự án 216 Võ Thị Sáu - Hồ Chí Minh	-	37.647.355.408
Dự án 26 Láng Hạ - Hà Nội	-	25.260.158.955
Cộng	<u>1.887.918.349</u>	<u>63.947.185.769</u>

7. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi vay	324.321.033	77.678.889
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.306.454.065	3.757.862.179
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	650.294.350
Lỗ kinh doanh chứng khoán	10.080.659.375	7.940.629.505
Hoàn nhập/ trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.590.185.247	36.195.722.708
Chi phí khác	23.429.629.362	16.036.463.382
Cộng	<u>36.731.249.082</u>	<u>64.658.651.013</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	716.665.481	589.592.021
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.608.637	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.883.749	3.773.076
Thuế, phí, lệ phí	-	13.205.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.881.174	530.175.300
Chi phí khác bằng tiền	1.227.939.933	1.033.345.850
Cộng	<u>2.155.978.974</u>	<u>2.170.092.007</u>

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	298.842.498.366	239.966.135.840
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.216.618.742	14.805.927.712
Chi phí dụng cụ quản lý	10.363.879.569	7.937.238.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.244.371.501	7.624.321.510
Thuế, phí và lệ phí	11.011.477.271	9.154.132.339
Hoàn nhập/trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.499.481.819)	(1.456.143.796)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.745.958.779	52.381.119.141
Chi phí khác bằng tiền	82.217.730.339	66.623.333.538
Cộng	<u>494.143.052.748</u>	<u>397.036.065.184</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	108.299.767.800	160.204.092.536
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	108.299.767.800	160.204.092.536
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	80.395.709	63.053.243
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.347</u>	<u>2.541</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	80.395.709	50.395.709
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong tháng 5 năm 2015	-	12.657.534
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>80.395.709</u>	<u>63.053.243</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương Ban điều hành	6.287.334.476	6.293.954.544
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	1.551.947.602	715.457.705
Cộng	<u>7.839.282.078</u>	<u>7.009.412.249</u>

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kasati	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	1.439.070.803	2.562.708.568
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	352.088.270	761.716.471
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	147.849.174	360.867.816
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	3.108.993.539	8.593.262.447
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	1.017.507.737	2.759.698.973
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	332.457.427	2.036.568.973
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	15.894.366.753	64.680.985.564
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	4.123.598.085	15.453.049.230
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	6.523.582.559	41.678.203.785
Chi khác nhận tái bảo hiểm		20.148.031
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	45.131.712.442	84.926.313.021
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	9.511.267.707	18.802.282.093
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	11.061.527.176	33.904.124.093

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	4.824.736.312	1.522.559.443
Cộng nợ phải thu	4.824.736.312	1.522.559.443
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	1.664.999.804	844.290.960
Cộng nợ phải trả	1.664.999.804	844.290.960

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bảo hiểm: cung cấp các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Lĩnh vực khác: kinh doanh sản phẩm thuộc lĩnh vực xăng dầu, cho thuê bất động sản đầu tư, kinh doanh thiết bị viễn thông và công trình inbuilding.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.542.387.176.731	111.790.591.289	2.654.177.768.020
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.542.387.176.731	111.790.591.289	2.654.177.768.020
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	493.003.631.527	16.071.454.385	509.075.085.912
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			509.075.085.912
Doanh thu hoạt động tài chính	156.539.411.238	451.416.353	156.990.827.591
Chi phí tài chính	(36.020.495.951)	(710.753.131)	(36.731.249.082)
Chi phí bán hàng			(2.155.978.974)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(494.143.052.748)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			2.211.318.236
Thu nhập khác	953.719.183	14.547.443	968.266.626
Chi phí khác	(1.994.457.338)	(486.564.733)	(2.481.022.071)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(25.599.112.567)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm	Lĩnh vực khác	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			275.542.767
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			108.410.625.690
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	82.070.137.408	1.033.349.684	83.103.487.092
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	35.077.326.050	3.846.031.767	38.923.357.817
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.892.918.244.050	233.830.287.303	2.126.748.531.353
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.892.918.244.050	233.830.287.303	2.126.748.531.353
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	397.208.275.949	119.173.784.420	516.382.060.369
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			516.382.060.369
Doanh thu hoạt động tài chính	149.992.991.525	169.444.763	150.162.436.288
Chi phí tài chính	(63.743.725.794)	(914.925.219)	(64.658.651.013)
Chi phí bán hàng			(2.170.092.007)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(397.036.065.184)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			1.042.032.881
Thu nhập khác	751.748.786	248.028.373	999.777.159
Chi phí khác	(1.755.962.012)	(157.639.875)	(1.913.601.887)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(42.107.802.911)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(433.109.626)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			160.266.984.069
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	50.740.262.311	3.999.697.408	54.739.959.719
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	29.068.587.244	20.346.331.164	49.414.918.408
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.895.212.006.437	63.203.110.163	4.958.415.116.600
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			(19.015.222.306)
Tổng tài sản			4.939.399.894.294
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.057.165.880.311	37.255.023.296	3.094.420.903.607
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			(2.492.308.931)
Tổng nợ phải trả			3.091.928.594.676
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.246.341.404.987	59.877.031.733	4.306.218.436.720
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			(18.255.744.141)
Tổng tài sản			4.287.962.692.579
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.409.716.050.781	34.456.544.786	2.444.172.595.567
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			409.253.821
Tổng nợ phải trả			2.444.581.849.388

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán tổng hợp					
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2d	174.395.785.028	(117.300.785.028)	57.095.000.000	(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2b	259.920.000.000	117.300.785.028	377.220.785.028	(i)

Tăng/giảm do điều chỉnh lại khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đang phân loại sang Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tổng Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Lãnh đạo Tổng Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Lãnh đạo phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Lãnh đạo Tổng Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Lãnh đạo thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Lãnh đạo không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.133.874.904	-	77.133.874.904
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	132.927.089.115	12.014.061.518	144.941.150.633
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.657.353.347.222	33.386.024.360	2.690.739.371.582
Phải thu khách hàng	388.000.354.820	50.060.972.870	438.061.327.690
Các khoản phải thu khác	167.738.614.642	20.571.633.120	188.310.247.762
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	202.618.566.400	32.840.000.000	235.458.566.400
Cộng	3.625.771.847.103	148.872.691.868	3.774.644.538.971
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	308.443.852.767	-	308.443.852.767
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	110.929.497.907	9.293.174.889	120.222.672.796
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.142.670.000.000	-	2.142.670.000.000
Phải thu khách hàng	343.789.015.987	53.734.184.945	397.523.200.932
Các khoản phải thu khác	146.069.779.910	34.951.816.617	181.021.596.527
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	139.475.785.028	34.920.000.000	174.395.785.028
Cộng	3.191.377.931.599	132.899.176.451	3.324.277.108.050

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	240.710.876.338	-	-	240.710.876.338
Vay và nợ	71.702.889.871	3.005.779.741	-	74.708.669.612
Các khoản phải trả khác	68.036.810.737	1.030.456.136	-	69.067.266.873
Cộng	380.450.576.946	4.036.235.877	-	384.486.812.823
Số đầu năm				
Phải trả người bán	157.668.805.826	-	-	157.668.805.826
Vay và nợ	2.029.800.000	-	-	2.029.800.000
Các khoản phải trả khác	61.577.838.839	2.008.923.136	-	63.586.761.975
Cộng	221.276.444.665	2.008.923.136	-	223.285.367.801

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tổng Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.115.000.000	257.150.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.690.739.371.582	1.950.680.000.000
Vay và nợ	(74.708.669.612)	(2.029.800.000)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	<u>2.617.145.701.970</u>	<u>2.205.800.200.000</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng 35.424.739.956 VND (năm trước giảm/tăng 15.299.314.139 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán niêm yết Tổng Công ty đang đầu tư tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm 3.344.513.423 VND (năm trước tăng/giảm 1.872.756.446 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của giá chứng khoán năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước. Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của giá chứng khoán năm nay không có biến động lớn so với năm trước.

4d. Tài sản đảm bảo

Tổng Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.133.874.904	-	308.443.852.767	-
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	144.941.150.633	(263.490.518)	120.222.672.796	(174.182.689)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.690.739.371.582	(23.891.306.464)	2.142.670.000.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	438.061.327.690	(40.055.706.911)	397.523.200.932	(10.902.805.407)
Các khoản phải thu khác	188.310.247.762	(20.571.633.120)	181.021.596.527	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	235.458.566.400	(4.495.204.554)	174.395.785.028	(6.381.844.502)
Cộng	3.774.644.538.971	(89.277.341.567)	3.324.277.108.050	(17.458.832.598)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	240.710.876.338	157.668.805.826
Vay và nợ	74.708.669.612	2.029.800.000
Các khoản phải trả khác	69.067.266.873	63.586.761.975
Cộng	384.486.812.823	223.285.367.801

Giá trị hợp lý

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	71,62	83,03
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	28,38	16,97
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	62,60	57,01
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	37,40	42,99
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,60	1,75
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,15	1,46
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,13
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	310,17	264,23
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	5,26	10,38
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,27	8,20
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	2,71	4,73
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	2,20	3,74
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	5,87	8,69



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. **Biên khả năng thanh toán** (Xem phụ lục trang 55-56)

8. **Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 16 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
I. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	1.849.257.186.334	1.843.380.843.191
1. Tổng Tài sản doanh nghiệp	4.941.185.781.010	4.287.962.692.579
2. Nợ phải trả	3.091.928.594.676	2.444.581.849.388
II. Giá trị tài sản bị loại trừ	340.356.490.480	273.907.154.556
1. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	79.749.548.570	86.101.656.560
Các khoản góp vốn để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn		
1.1 vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp Bảo hiểm	24.362.862.849	23.478.643.784
1.2 Tài sản tương ứng với quỹ khen thưởng phúc lợi	131.574.365	24.539.637
Các khoản công nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp		
1.3 luật sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng	-	-
1.4 Tài sản cố định vô hình (trừ phần mềm máy tính)	-	-
Chi phí trả trước, cho vay không có bảo lãnh, các khoản tạm ứng, trang		
1.5 thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ	38.949.957.695	30.388.868.394
Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn trên 2 năm sau		
1.6 khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật	2.043.652.756	17.948.103.840
Các khoản cho vay, đầu tư trở lại cho các cổ đông hoặc người có liên		
1.7 quan quy định tại Điều 4 Luật Doanh nghiệp trừ trường hợp là các khoản tiền gửi ngân hàng	14.261.500.905	14.261.500.905
2. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	260.606.941.911	187.805.497.996
2.1 Các Tài sản đầu tư	110.118.204.302	58.714.480.358
a) Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh: loại trừ 1% giá trị hạch toán;	500.000.000	500.000.000
b) Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh: loại trừ 3% giá trị hạch toán;	2.400.000.000	3.000.000.000
c) Cổ phiếu được niêm yết: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	8.794.685.434	15.894.175.784
d) Cổ phiếu không được niêm yết: loại trừ 20% giá trị hạch toán;	61.501.395.980	11.419.000.000
Đầu tư trực tiếp vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng: loại		
d) trừ 8% giá trị hạch toán;	967.325.626	7.402.764.574
Đầu tư trực tiếp vào bất động sản để cho thuê, các khoản cho vay thương		
e) mại có bảo lãnh: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	15.527.948.018	-
g) Vốn góp vào các doanh nghiệp khác trừ doanh nghiệp bảo hiểm: loại trừ		
20% giá trị hạch toán.	20.426.849.243	20.498.540.000

315-C
NHÀ
NG T
HIỆM H
N VÀ
& C
HÀ N
A - T

BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
2.2 Các khoản phải thu	3.278.249.389	3.367.615.119
Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 180 ngày đến		
a) dưới 01 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi		
tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 30%	1.053.835.819	1.660.424.084
b) dưới 02 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi		
tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 50%	2.224.413.571	1.707.191.035
2.3 Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi		
tính và hàng tồn kho: loại trừ 25% giá trị hạch toán	20.540.368.360	17.703.621.285
2.4 Tài sản khác: loại trừ 15% giá trị hạch toán	126.670.119.860	108.019.781.234
III. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp (I-II)	1.508.900.695.854	1.569.473.688.635
IV. Biên khả năng thanh toán tối thiểu		
25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	635.891.936.424	494.044.756.355
So sánh Biên khả năng thanh toán và Biên khả năng thanh toán tối thiểu (III và IV)		
Chênh lệch theo số tuyệt đối	873.008.759.430	1.075.428.932.280
Chênh lệch theo tỷ lệ %	237%	318%

Lập, ngày 16 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Cao Thu Hiền

Bùi Xuân Thu

